

Số: 270 /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị và Quyết định số 72-QĐ/TW về biên chế của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026, ngày 11/11/2024, Ban Tổ chức Trung ương đã có Quyết định số 3201-QĐ/BTCTW về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 3201-QĐ/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, UBND thành phố kính báo cáo HĐND thành phố kế hoạch biên chế trong cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền và số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội quán chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn thành phố năm 2025 như sau:

A. BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Biên chế công chức khối nhà nước được Ban Tổ chức Trung ương giao cho thành phố Đà Nẵng năm 2024 tại Quyết định số 2365-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 là 2.443 biên chế gồm:

- Biên chế trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện: 1.768 biên chế.
- Số lượng công chức làm việc tại phường nằm trong tổng chỉ tiêu biên chế công chức hành chính của thành phố do Ban Tổ chức Trung ương giao: 675 biên chế.

I. BIÊN CHẾ TRONG CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, QUẬN, HUYỆN

1. Tình hình sử dụng biên chế công chức năm 2024

- HĐND thành phố thông qua và UBND thành phố phân bổ:
 - Biên chế công chức: 1.768 biên chế;
 - Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 176 chỉ tiêu.
- Số có mặt tính đến ngày 15/10/2024

- Công chức: 1.622 người¹;
- Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 119 người.

2. Cơ sở xây dựng kế hoạch biên chế công chức năm 2025

Tại Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 28/10/2023 về việc ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2022-2026 của UBND thành phố Đà Nẵng đã xác định năm 2025, sẽ thực hiện tinh giản **18** chỉ tiêu biên chế công chức theo lộ trình. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Kết luận số 79/KL-TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị Khoá XII về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; trên cơ sở đề nghị của Thành ủy Đà Nẵng tại Tờ trình số 110-TTr/TU ngày 16/10/2024 về kế hoạch biên chế năm 2025, Ban Tổ chức Trung ương đã có Quyết định số 3201-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025, trong đó giao biên chế công chức khối chính quyền địa phương của thành phố Đà Nẵng năm 2025 là **2.443** biên chế (bao gồm **675** biên chế công chức phường), *giữ nguyên* so với năm 2024.

Do đó, UBND thành phố kính báo cáo HĐND thành phố về việc giữ ổn định số biên chế công chức khối chính quyền năm 2025 như số giao năm 2024 theo Quyết định giao của Ban Tổ chức Trung ương.

3. Kế hoạch biên chế công chức năm 2025

Tổng biên chế công chức khối chính quyền địa phương của thành phố Đà Nẵng năm 2025 là **2.443** biên chế, *giữ nguyên* so với năm 2024, cụ thể:

a) Biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện: **1.768** biên chế.

Biên chế công chức năm 2025 của khối chính quyền là **2.443** biên chế (trong đó, có **1.768** biên chế khối sở, ban ngành và UBND các quận, huyện và **675** biên chế công chức làm việc tại UBND các phường²), *chưa thực hiện tinh giảm 18*

¹ 146 biên chế chưa sử dụng, trong đó có: 143 chỉ tiêu đã được phân bổ đến từng cơ quan, đơn vị tuy nhiên chưa tuyển dụng được biên chế thay thế người nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác hoặc để thực hiện công tác nhân sự tại các cơ quan, địa phương và để thực hiện lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026. Ngoài ra, thực hiện Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; ngày 17/4/2024, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Hướng dẫn số 04-HD/TU về triển khai thực hiện Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, trong đó có chủ trương tạm dừng việc thi tuyển công chức, viên chức trên toàn địa bàn thành phố để điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức dôi dư của 17 phường thuộc diện sắp xếp. 03 biên chế dự phòng thực hiện tinh giản giai đoạn.

² Điểm g khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025) quy định thẩm quyền của HĐND thành phố như sau: “*Căn cứ loại đơn vị hành chính cấp xã, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quy mô dân số và diện tích tự nhiên tăng thêm của đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của Chính phủ để quyết định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã*”; như vậy, kể từ ngày 01/01/2025, HĐND thành phố có thẩm quyền quyết định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã căn cứ định mức theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Do đó, UBND thành phố sẽ trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết riêng về biên chế công chức phường, xã.

biên chế công chức so với năm 2024 tại các cơ quan, đơn vị sau:

- **11** chỉ tiêu biên chế công chức tại các sở, ngành gồm: Văn phòng UBND thành phố (01 chỉ tiêu), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 chỉ tiêu), Sở Công Thương (01 chỉ tiêu), Sở Tài chính (01 chỉ tiêu), Sở Xây dựng (01 chỉ tiêu), Sở Giáo dục và Đào tạo (01 chỉ tiêu); Sở Tư pháp (01 chỉ tiêu); Sở Ngoại vụ (01 chỉ tiêu); Sở Nội vụ (01 chỉ tiêu); Ban Quản lý An toàn thực phẩm (01 chỉ tiêu).

- **07** chỉ tiêu biên chế công chức tại UBND các quận, huyện gồm: UBND quận Hải Châu (01 chỉ tiêu), UBND quận Thanh Khê (01 chỉ tiêu), UBND quận Sơn Trà (01 chỉ tiêu), UBND quận Ngũ Hành Sơn (01 chỉ tiêu), UBND quận Liên Chiểu (01 chỉ tiêu), UBND quận Cẩm Lệ (01 chỉ tiêu), UBND huyện Hoà Vang (01 chỉ tiêu).

b) Số lượng công chức làm việc tại phường nằm trong tổng chỉ tiêu biên chế công chức hành chính của thành phố do Ban Tổ chức Trung ương giao: **675** biên chế.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

II. BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TẠI CÁC PHƯỜNG

Trước đây, tổng số biên chế công chức làm việc tại UBND các phường³ trên địa bàn thành phố thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ và theo Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ (bình quân 15 người/phường)⁴. Theo đó, khi thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo Nghị định số 119/2020/QH14, tại Quyết định số 1910-QĐ/BTCTW ngày 21/6/2023 Ban Tổ chức Trung ương đã giao đối với thành phố Đà Nẵng 675 biên chế để chuyển số công chức phường tại các phường không tổ chức Hội đồng nhân dân thành công chức quận (45 phường).

Ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Đồng thời, ngày 26/6/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 136/2024/QH15 cho phép thành phố chính thức tổ chức mô hình chính quyền đô thị. Điểm g khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025) quy định thẩm quyền của HĐND thành phố như sau: “*Căn cứ loại đơn vị hành chính cấp xã, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quy mô dân số và diện tích tự nhiên tăng thêm của đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của Chính phủ để quyết định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã*”; như vậy, kể từ ngày 01/01/2025, HĐND thành phố có thẩm quyền quyết định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã căn cứ định mức theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Do đó, UBND thành phố sẽ trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết riêng về biên chế công chức phường, xã.

³ Công chức làm việc tại UBND phường theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15 Nghị định 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ

⁴ Số công chức làm việc tại UBND các phường trên địa bàn thành phố đã bao gồm: 45 chỉ tiêu để bố trí lại công tác cho các chức danh Phó Chủ tịch HĐND phường chuyên trách khi không tổ chức HĐND phường và 16 chỉ tiêu công chức phường bổ sung tại các phường loại II.

B. CHỈ TIÊU SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Tình hình sử dụng viên chức, hợp đồng hưởng lương từ ngân sách tại đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024

a) Chỉ tiêu được cơ quan Trung ương giao năm 2024

Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách được Ban Tổ chức Trung ương giao cho thành phố Đà Nẵng năm 2024 tại Quyết định số 2365-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 là **16.903** chỉ tiêu.

b) HĐND thành phố thông qua, UBND thành phố phân bổ năm 2024

- Viên chức hưởng lương từ ngân sách: **16.903** chỉ tiêu.

- Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: **762** chỉ tiêu

c) Số có mặt tính đến ngày 15/10/2024

- Viên chức, người lao động trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao: **15.797** người⁵.

- Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: **160** người⁶.

2. Cơ sở xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc năm 2025

Tại Quyết định số 3201-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025, giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách của khối chính quyền địa phương thành phố Đà Nẵng năm 2025 là: **17.053** chỉ tiêu, giữ nguyên như số giao năm 2024. Đồng thời, bổ sung **150** chỉ tiêu sự nghiệp giáo dục năm học 2024-2025.

3. Kế hoạch giao chỉ tiêu số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2025

a) Chỉ tiêu viên chức hưởng lương từ ngân sách năm 2025 là **17.053** chỉ tiêu, gồm:

- **16.903** chỉ tiêu số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách (giữ nguyên so với năm 2024).

- Bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục năm học 2024-2025, **tăng 150** chỉ tiêu.

b) Kế hoạch giao cụ thể năm 2025

* Thực giao: **16.871** chỉ tiêu, **tăng 291** chỉ tiêu so với số thực giao năm 2024, cụ thể:

+ Bổ sung **338** chỉ tiêu sự nghiệp giáo dục (**188** chỉ tiêu được bổ sung năm

⁵ Trong đó có 15.332 viên chức, 571 hợp đồng trong chỉ tiêu. Số chỉ tiêu chưa sử dụng: 1.202 chỉ tiêu. Trong đó, đối với khối sở ban ngành: 7 đơn vị đang xây dựng kế hoạch tuyển dụng với 270 chỉ tiêu, 2 đơn vị đã phê duyệt kết quả tuyển dụng đối với 19 chỉ tiêu; đối với khối quận huyện: 240 chỉ tiêu trúng tuyển (đang chờ phê duyệt kết quả tuyển dụng đối với 64 chỉ tiêu); 673 chỉ tiêu người nghỉ hưu, thôi việc từ tháng 03 đến nay chưa tuyển dụng thay thế và dự phòng sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện lộ trình tinh giản giai đoạn 2022-2026.

⁶ Từ năm 2022, chi tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương đối với hợp đồng hỗ trợ, phục vụ tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo được cơ cấu vào trong 25% chi hoạt động giảng dạy và học tập.

học 2023-2024⁷ + 150 chỉ tiêu bổ sung năm học 2024-2025) cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn thành phố.

+ Giảm 47 chỉ tiêu hưởng lương từ ngân sách của Trường Cao đẳng nghề do thay đổi cơ chế tài chính;

* Quỹ thực hiện lộ trình tinh giản của thành phố sau khi giao bổ sung cho giáo dục là 182 chỉ tiêu⁸.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

C. VỀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC LÀM CƠ SỞ CẤP KINH PHÍ TẠI CÁC HỘI NĂM 2025

1. Số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2024: Năm 2024, tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2024, HĐND thành phố đã thông qua số lượng người làm việc được xác định làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ là: 109 người.

2. Kế hoạch số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại một số hội do đảng và nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025

Ngày 08/10/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Khoản 2 Điều 37 Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định “*Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương*”.

Ngoài ra, tại Điều 39 Nghị định 126/2024/NĐ-CP cũng quy định “Ngân sách Trung ương hỗ trợ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, bao gồm: Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội”; “Đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương thì căn cứ nội dung hỗ trợ kinh phí tại khoản 1, khoản 2 điều này, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại Điều 49 quy định UBND cấp tỉnh thẩm quyền “Quản lý biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền”.

⁷ Tại Quyết định số 2365-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 giao biên chế năm 2024 của thành phố, Ban Tổ chức TW đã bổ sung 188 chỉ tiêu sự nghiệp giáo dục năm học 2023-2024, số chỉ tiêu bổ sung đã được báo cáo tại kỳ họp HĐND thành phố cuối năm 2023 và đề xuất tạm đưa vào quỹ dự phòng thực hiện tinh giản giai đoạn 2022-2026.

⁸ 323 chỉ tiêu dự phòng 2024 - 188 chỉ tiêu bổ sung giáo dục + 47 chỉ tiêu dự kiến thu hồi của Trường CĐ nghề.

Tại thành phố Đà Nẵng, từ trước đến nay, thành phố chỉ được Trung ương giao biên chế công chức trong cơ quan hành chính và số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập, không được giao biên chế tại các hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ. Do đó, căn cứ trên các văn bản hướng dẫn, trả lời của Bộ Nội vụ, hằng năm, UBND thành phố trình HĐND thành phố xác định số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội. Tại Quyết định giao biên chế số 3201-QĐ/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, mặc dù trong tiêu đề xác định tổng biên chế của chính quyền địa phương năm 2025 có bao gồm cụm từ “hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ”, tuy nhiên tổng số biên chế được Ban Tổ chức Trung ương giao lại không bao gồm biên chế của các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ⁹.

Do đó, trên cơ sở các căn cứ nêu trên; số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí đang giao, sử dụng ổn định tại 22 hội hiện nay và thực tế biên chế Ban Tổ chức Trung ương giao cho thành phố Đà Nẵng không bao gồm biên chế hội; để triển khai thực hiện Nghị định 126/2024/NĐ-CP và đảm bảo không trái với các quy định hiện hành về quản lý biên chế, năm 2025, UBND thành phố kính đề nghị HĐND thành phố tiếp tục giao 109 số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí hội đối với 22 hội (*Phụ lục III đính kèm*).

D. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC, THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2025

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, UBND thành phố kính báo cáo HĐND thành phố các giải pháp thực hiện biên chế năm 2025 như sau:

- UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc UBND thành phố quản lý quán triệt về nhận thức trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng biên chế, thực hiện nghiêm chính sách tinh giản biên chế trong đội ngũ công chức, viên chức và các đơn vị trực thuộc. Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức được xác định là nhiệm vụ, yêu cầu bắt buộc thực hiện trong quá trình chỉ đạo, điều hành, là căn cứ để đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh các giải pháp chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước sang các đơn vị sự nghiệp hoặc các tổ chức xã hội có đủ điều kiện thực hiện nhằm khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ, giảm áp lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Cơ cấu lại tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đảm bảo theo quy định. Tích cực thực hiện Đề án đổi mới, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công

⁹ Điều này đã được Bộ Nội vụ khẳng định tại Công văn số 3933/BNV-TCBC ngày 24/7/2023 trả lời về biên chế giai đoạn 2022-2026 của tỉnh Hà Tĩnh và biên chế của tỉnh Hà Tĩnh năm 2022, trong đó bao gồm: biên chế cán bộ, công chức và biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (không có biên chế của Hội, vì theo quy định của pháp luật hiện hành thì người làm việc tại Hội không phải là công chức hoặc viên chức).

lập giai đoạn 2022-2026; Đề án phân cấp, uỷ quyền quản lý nhà nước giai đoạn 2021-2026.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công, chuyển sang hình thức đặt hàng và thúc đẩy tăng tỷ lệ tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố quản lý, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục để giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách giai đoạn 2022-2026 theo chủ trương tinh giản của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

Trên đây là Tờ trình về kế hoạch biên chế 2025 của thành phố Đà Nẵng. UBND kính trình HĐND thành phố thông qua Nghị quyết về biên chế năm 2025. / *nghe*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV.

5 + 10



Lê Trung Chinh

Phụ lục I
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 270 /TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố)



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024			Số có mặt tính đến 15/10/2024			Kế hoạch năm 2025			Tăng giảm biên chế công chức so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
1	2	3	3a	3b	4	4a	4b	5	5a	5b	6	6a	6b	
		1944	1768	176	1741	1622	119	1944	1768	176	0	0	0	
I	CẤP THÀNH PHỐ	1214	1117	97	1120	1026	94	1214	1117	97	0	0	0	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố	59	44	15	59	44	15	59	44	15	0	0	0	
1,1	Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách	15	15	0	15	15	0	15	15	0	0	0	0	
1,2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố	44	29	15	44	29	15	44	29	15	0	0	0	
2	Văn phòng UBND thành phố (bao gồm biên chế Lãnh đạo UBND thành phố)	99	81	18	92	74	18	99	81	18	0	0	0	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	172	155	17	164	147	17	172	155	17	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024			Số có mặt tính đến 15/10/2024			Kế hoạch năm 2025			Tăng giảm biên chế công chức so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
3,1	Cơ quan Sở	44	42	2	41	39	2	44	42	2	0	0	0	
3,2	Chi cục Kiểm lâm	63	57	6	61	55	6	63	57	6	0	0	0	
3,3	Chi cục Nông nghiệp	24	23	1	24	23	1	24	23	1	0	0	0	
3,4	Chi cục Thủy sản	27	21	6	25	19	6	27	21	6	0	0	0	
3,5	Chi cục Thủy lợi	14	12	2	13	11	2	14	12	2	0	0	0	
4	Sở Công Thương	46	44	2	43	41	2	46	44	2	0	0	0	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	48	2	47	45	2	50	48	2	0	0	0	
6	Sở Tài chính	61	58	3	58	55	3	61	58	3	0	0	0	
7	Sở Xây dựng	67	65	2	62	60	2	67	65	2	0	0	0	
7,1	Cơ quan Sở	56	55	1	53	52	1	56	55	1	0	0	0	
7,2	Thanh tra Sở	11	10	1	9	8	1	11	10	1	0	0	0	
8	Sở Giao thông Vận tải	71	70	1	68	67	1	71	70	1	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024			Số có mặt tính đến 15/10/2024			Kế hoạch năm 2025			Tăng giảm biên chế công chức so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
8,1	Cơ quan Sở	44	43	1	43	42	1	44	43	1	0	0	0	
8,2	Thanh tra Giao thông vận tải	27	27	0	25	25	0	27	27	0	0	0	0	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	37	35	2	33	31	2	37	35	2	0	0	0	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	57	54	3	52	49	3	57	54	3	0	0	0	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	43	41	2	41	39	2	43	41	2	0	0	0	
12	Sở Y tế	51	47	4	42	38	4	51	47	4	0	0	0	
12,1	Cơ quan Sở	36	34	2	32	30	2	36	34	2	0	0	0	
12,2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	15	13	2	10	8	2	15	13	2	0	0	0	
13	Sở Văn hoá và Thể thao	40	37	3	35	33	2	40	37	3	0	0	0	
14	Sở Du lịch	30	27	3	29	26	3	30	27	3	0	0	0	
15	Sở Tư pháp	29	28	1	27	26	1	29	28	1	0	0	0	
16	Sở Ngoại vụ	28	25	3	20	18	2	28	25	3	0	0	0	
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	60	57	3	48	45	3	60	57	3	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024			Số có mặt tính đến 15/10/2024			Kế hoạch năm 2025			Tăng giảm biên chế công chức so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
17,1	Cơ quan Sở	40	38	2	33	31	2	40	38	2	0	0	0	
17,2	Chi cục Biên đảo và môi trường	20	19	1	15	14	1	20	19	1	0	0	0	
18	Sở Nội vụ	72	68	4	66	62	4	72	68	4	0	0	0	
18,1	Cơ quan Sở	44	43	1	41	40	1	44	43	1	0	0	0	
18,2	Ban Thi đua - Khen thưởng	14	13	1	12	11	1	14	13	1	0	0	0	
18,3	Ban Tôn giáo	14	12	2	13	11	2	14	12	2	0	0	0	
19	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	45	42	3	41	38	3	45	42	3	0	0	0	
20	Thanh tra thành phố	30	29	1	29	28	1	30	29	1	0	0	0	
21	Sở Thông tin và Truyền thông	33	31	2	32	30	2	33	31	2	0	0	0	
22	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	34	31	3	32	30	2	34	31	3	0	0	0	
II	CẤP QUẬN, HUYỆN	672	648	24	621	596	25	672	648	24	0	0	0	
1	UBND quận Hải Châu	121	117	4	112	108	4	121	117	4	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024			Số có mặt tính đến 15/10/2024			Kế hoạch năm 2025			Tăng giảm biên chế công chức so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Biên chế công chức	Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
2	UBND quận Thanh Khê	103	99	4	86	82	4	103	99	4	0	0	0	
3	UBND quận Sơn Trà	94	91	3	89	86	3	94	91	3	0	0	0	
4	UBND quận Ngũ Hành Sơn	81	79	2	78	76	2	81	79	2	0	0	0	
5	UBND quận Liên Chiểu	87	80	7	83	76	7	87	80	7	0	0	0	
6	UBND quận Cẩm Lệ	86	84	2	83	81	2	86	84	2	0	0	0	
7	UBND huyện Hòa Vang	92	90	2	87	85	2	92	90	2	0	0	0	
8	UBND huyện Hoàng Sa	8	8	0	3	2	1	8	8	0	0	0	0	
III	DỰ PHÒNG THỰC HIỆN LỘ TRÌNH TÌNH GIẢM	58	3	55	0	0	0	58	3	55	0	0	0	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 270 /TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu giao năm 2024			Số lượng người làm việc có mặt đến 15/10/2024					Kế hoạch giao năm 2025			Tăng, giảm so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách	Trong đó			Đơn vị tuyển dụng từ nguồn thu tự chủ	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Viên chức	Hợp đồng trong chỉ tiêu	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17
	Tổng cộng	17665	16903	762	15797	15259	538	160	2812	17815	17053	762	291	291	0	
A	Thực giao	16674	16580	94	15797	15259	538	160	2812	16965	16871	94	291	291	0	
I	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	13230	13230	0	12832	12492	340	0	130	13521	13521	0	291	291	0	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	2336	2336	0	2274	2212	62	0	0	2349	2349	0	13	13	0	
2	UBND quận Hải Châu	2139	2139	0	2052	2006	46	0	0	2181	2181	0	42	42	0	
3	UBND quận Sơn Trà	1369	1369	0	1343	1306	37	0	0	1411	1411	0	42	42	0	
4	UBND quận Ngũ Hành Sơn	911	911	0	883	866	17	0	0	947	947	0	36	36	0	
5	UBND quận Thanh Khê	1717	1717	0	1664	1595	69	0	0	1752	1752	0	35	35	0	
6	UBND quận Liên Chiểu	1463	1463	0	1439	1409	30	0	0	1539	1539	0	76	76	0	
7	UBND huyện Hoà Vang	1923	1923	0	1845	1790	55	0	0	1956	1956	0	33	33	0	
8	UBND quận Cẩm Lệ	1272	1272	0	1236	1212	24	0	0	1333	1333	0	61	61	0	
9	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật	53	53	0	49	49	0	0	6	53	53	0	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chi tiêu giao năm 2024			Số lượng người làm việc có mặt đến 15/10/2024					Kế hoạch giao năm 2025			Tăng, giảm so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách	Trong đó			Đơn vị tuyển dụng từ nguồn thu tự chủ	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Viên chức	Hợp đồng trong chỉ tiêu	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
10	Trường Cao đẳng nghề	47	47	0	47	47	0	0	124	0	0	0	-47	-47	0	
II	Sự nghiệp Văn hoá và Thể thao	584	539	45	508	483	25	44	0	584	539	45	0	0	0	
1	Sở Văn hóa và Thể thao	455	410	45	379	354	25	44	0	455	410	45	0	0	0	
2	UBND quận Hải Châu	10	10	0	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0	0	
3	UBND quận Sơn Trà	16	16	0	16	16	0	0	0	16	16	0	0	0	0	
4	UBND quận Ngũ Hành Sơn	20	20	0	20	20	0	0	0	20	20	0	0	0	0	
5	UBND quận Thanh Khê	9	9	0	9	9	0	0	0	9	9	0	0	0	0	
6	UBND quận Liên Chiểu	21	21	0	21	21	0	0	0	21	21	0	0	0	0	
7	UBND huyện Hoà Vang	25	25	0	25	25	0	0	0	25	25	0	0	0	0	
8	UBND quận Cẩm Lệ	15	15	0	15	15	0	0	0	15	15	0	0	0	0	
9	UBND huyện Hoàng Sa	13	13	0	13	13	0	0	0	13	13	0	0	0	0	
III	Sự nghiệp Y tế	1046	1015	31	895	886	9	28	2510	1046	1015	31	0	0	0	
1	Khối thành phố	298	267	31	251	243	8	28	914	298	267	31	0	0	0	
2	Khối quận, huyện	207	207	0	219	218	1	0	1596	207	207	0	0	0	0	
3	Khối phường, xã	541	541	0	425	425	0	0	0	541	541	0	0	0	0	
IV	Sự nghiệp khác	1814	1796	18	1562	1398	164	88	172	1814	1796	18	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu giao năm 2024			Số lượng người làm việc có mặt đến 15/10/2024					Kế hoạch giao năm 2025			Tăng, giảm so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách	Trong đó			Đơn vị tuyển dụng từ nguồn thu tự chủ	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Viên chức	Hợp đồng trong chỉ tiêu	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
1	Văn phòng UBND thành phố	191	191	0	94	94	0	68	0	191	191	0	0	0	0	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	105	105	0	89	87	2	0	0	105	105	0	0	0	0	
3	Sở Công Thương	22	22	0	16	16	0	0	17	22	22	0	0	0	0	
4	Sở Xây dựng	44	44	0	41	41	0	0	11	44	44	0	0	0	0	
5	Sở Giao thông vận tải	90	90	0	83	82	1	1	14	90	90	0	0	0	0	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	76	75	1	74	71	3	1	21	76	75	1	0	0	0	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	246	241	5	236	223	13	5	36	246	241	5	0	0	0	
8	Sở Tư pháp	23	23	0	20	20	0	0	0	23	23	0	0	0	0	
9	Sở Ngoại vụ	32	32	0	20	20	0	1	10	32	32	0	0	0	0	
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	91	87	4	79	77	2	5	35	91	87	4	0	0	0	
11	Sở Du lịch	254	251	3	228	88	140	3	0	254	251	3	0	0	0	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	81	81	0	74	74	0	0	17	81	81	0	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu giao năm 2024			Số lượng người làm việc có mặt đến 15/10/2024					Kế hoạch giao năm 2025			Tăng, giảm so với năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách	Trong đó			Đơn vị tuyển dụng từ nguồn thu tự chủ	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Viên chức	Hợp đồng trong chỉ tiêu	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		Số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách	Định mức hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	28	28	0	24	24	0	0	1	28	28	0	0	0	0	
14	Sở Nội vụ	17	14	3	13	13	0	3	5	17	14	3	0	0	0	
15	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	23	22	1	21	21	0	1	0	23	22	1	0	0	0	
16	Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội	33	33	0	33	33	0	0	5	33	33	0	0	0	0	
17	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp	22	0	0	19	19	0	0	15	0	0	0	0	0	0	
18	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	35	34	1	30	30	0	0	0	35	34	1	0	0	0	
19	UBND quận Hải Châu	90	90	0	85	85	0	0	0	90	90	0	0	0	0	
21	UBND quận Sơn Trà	65	65	0	50	50	0	0	0	65	65	0	0	0	0	
22	UBND quận Ngũ Hành Sơn	55	55	0	51	51	0	0	0	55	55	0	0	0	0	
23	UBND quận Thanh Khê	74	74	0	67	64	3	0	0	74	74	0	0	0	0	
24	UBND quận Liên Chiểu	53	53	0	51	51	0	0	0	53	53	0	0	0	0	
25	UBND huyện Hoà Vang	34	34	0	32	32	0	0	0	34	34	0	0	0	0	
26	UBND quận Cẩm Lệ	52	52	0	51	51	0	0	0	52	52	0	0	0	0	
V	Nguồn thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	991	323	668	0	0	0	0	0	850	182	668	0	0	0	



Phụ lục III

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC LÀM CƠ SỞ CẤP KINH PHÍ TẠI CÁC HỘI NĂM

(Kèm theo Tờ trình số 270 /TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2024	Số người có mặt tính đến 15/10/2024	Số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2025	Chênh lệch so với năm 2024	Ghi chú
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	Tổng cộng	109	102	109	0	
1	UBND quận Hải Châu	4	4	4	0	
1,1	Hội người mù	1	1	1	0	
1,2	Hội Chữ thập đỏ	3	3	3	0	
2	UBND quận Sơn Trà	4	4	4	0	
2,1	Hội người mù	2	2	2	0	
2,2	Hội Chữ thập đỏ	2	2	2	0	
3	UBND quận Ngũ Hành Sơn	3	2	3	0	
3,1	Hội người mù	1	1	1	0	
3,1	Hội Chữ thập đỏ	2	1	2	0	
4	UBND quận Thanh Khê	2	2	2	0	
4,1	Hội Chữ thập đỏ	2	2	2	0	
5	UBND quận Liên Chiểu	3	3	3	0	
5,1	Hội người mù	1	1	1	0	
5,2	Hội Chữ thập đỏ	2	2	2	0	
6	UBND huyện Hoà Vang	2	2	2	0	
6,1	Hội Chữ thập đỏ	2	2	2	0	
7	UBND quận Cẩm Lệ	3	3	3	0	
7,1	Hội người mù	1	1	1	0	
7,2	Hội Chữ thập đỏ	2	2	2	0	
8	Khối các hội thành phố	88	82	88	0	
8,1	Hội Người mù	5	5	5	0	
8,2	Hội Nhà báo	5	5	5	0	
8,3	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	14	12	14	0	
8,4	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	15	13	15	0	
8,5	Liên hiệp các hội văn học và nghệ thuật	15	12	15	0	
8,6	Hội Đông y	3	3	3	0	
8,7	Hội Chữ thập đỏ	11	12	11	0	
8,8	Liên minh các hợp tác xã	11	11	11	0	
8,9	Hội Nạn nhân chất độc da cam	8	8	8	0	
8.10	Hội Từ yêu nước	1	1	1	0	

Số: /NQ-HĐND Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ XXI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 26-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 3201-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về biên chế của thành phố Đà Nẵng năm 2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày tháng năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung về biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập khối chính

quyền và số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2025 của thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện như sau: 1.768 biên chế (*Đính kèm Phụ lục*).

2. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: 17.053 chỉ tiêu.

3. Phê duyệt số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 109 chỉ tiêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này về phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cho các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng biên chế đảm bảo thực hiện lộ trình tinh giản giai đoạn 2022-2026 theo quy định của Trung ương.

b) Giao số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí đối với các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong tổng số lượng quy định tại Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết này.

c) Điều chỉnh biên chế công chức tạm thời đối với các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện trong tổng số biên chế được Hội đồng nhân dân thông qua khi có điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ hoặc tổ chức lại cơ quan, tổ chức hành chính và tổng hợp, báo cáo HĐND thành phố quyết định trong kỳ họp HĐND thành phố cuối năm.

d) Xác định số lượng hợp đồng thực hiện các công việc hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan thuộc UBND thành phố quản lý để làm cơ sở xây dựng dự toán, bố trí kinh phí bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ.

đ) Đẩy mạnh chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính của một số đơn vị sự nghiệp công lập từ cơ chế ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ sang tự chủ một phần và tự chủ hoàn toàn hoặc chuyển sang cơ chế đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tham mưu ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật giá dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông làm cơ sở đẩy mạnh tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo trên địa bàn thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, Kỳ họp thứ XXI thông qua ngày tháng 12 năm 2024, và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đại biểu HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQ thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Ngô Xuân Thắng

Phụ lục
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, QUẬN, HUYỆN
NĂM 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của
Hội đồng nhân dân thành phố)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức năm 2025
A	TỔNG CỘNG (I+II+III)	1768
I	CẤP THÀNH PHỐ	1117
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố	44
1,1	Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách	15
1,2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố	29
2	Văn phòng UBND thành phố (bao gồm biên chế Lãnh đạo UBND thành phố)	81
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	155
3,1	Cơ quan Sở	42
3,2	Chi cục Kiểm lâm	57
3,3	Chi cục Nông nghiệp	23
3,4	Chi cục Thủy sản	21
3,5	Chi cục Thủy lợi	12
4	Sở Công Thương	44
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	48
6	Sở Tài chính	58
7	Sở Xây dựng	65
7,1	Cơ quan Sở	55
7,2	Thanh tra Sở	10

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức năm 2025
8	Sở Giao thông Vận tải	70
8,1	Cơ quan Sở	43
8,2	Thanh tra Giao thông vận tải	27
9	Sở Khoa học và Công nghệ	35
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	54
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	41
12	Sở Y tế	47
12,1	Cơ quan Sở	34
12,2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	13
13	Sở Văn hoá và Thể thao	37
14	Sở Du lịch	27
15	Sở Tư pháp	28
16	Sở Ngoại vụ	25
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	57
17,1	Cơ quan Sở	38
17,2	Chi cục Biển đảo và môi trường	19
18	Sở Nội vụ	68
18,1	Cơ quan Sở	43
18,2	Ban Thi đua - Khen thưởng	13
18,3	Ban Tôn giáo	12
19	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	42
20	Thanh tra thành phố	29
21	Sở Thông tin và Truyền thông	31

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức năm 2025
22	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	31
II	CẤP QUẬN, HUYỆN	648
1	UBND quận Hải Châu	117
2	UBND quận Thanh Khê	99
3	UBND quận Sơn Trà	91
4	UBND quận Ngũ Hành Sơn	79
5	UBND quận Liên Chiểu	80
6	UBND quận Cẩm Lệ	84
7	UBND huyện Hòa Vang	90
8	UBND huyện Hoàng Sa	8
III	DỰ PHÒNG THỰC HIỆN TỈNH GIẢM BIÊN CHẾ	3